



LAO ĐỘNG NỮ DI CƯ GIÚP VIỆC NHÀ TỪ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TỚI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (NGHIÊN CỨU TẠI PHƯỜNG 9, THỊ XÃ TRÀ VINH)

TS Nguyễn Thị Hoà*

Ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu về di dân và phụ nữ di dân. Từ những nghiên cứu đó có thể thấy, trong dòng người nhập cư vào Thành phố Hồ Chí Minh, tỷ lệ những người trẻ tuổi và lao động nữ ngày càng tăng. Theo kết quả điều tra dân số năm 1999, ước tính có 52% dân nhập cư vào Thành phố Hồ Chí Minh ở độ tuổi dưới 25, trong đó, tỷ lệ nữ chiếm hơn 50% (vào những năm 95, 97 tỷ lệ này là dưới 49%). Một phần nhỏ trong số nữ lao động nhập cư có trình độ văn hoá lớp 9 trở lên hoặc đã có tay nghề, trở thành công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất. Nhóm còn lại, đông hơn, với học vấn thấp, thậm chí mù chữ, không có tay nghề v.v... chấp nhận làm việc tại các cơ sở sản xuất gia công, dịch vụ, hoặc giúp việc nhà. Trong số những lao động giúp việc nhà có các cô gái người dân tộc thiểu số đến từ các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long. Tuy nhiên, nhóm nhập cư đặc thù này cho đến nay vẫn chưa có một vị trí nhất định trong các nghiên cứu về di dân ở Việt Nam.

Với việc nghiên cứu “Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới Thành phố Hồ Chí Minh” trong giai đoạn từ năm 1990 đến nay, tác giả hy vọng sẽ bổ sung thông tin cho hệ thống tư liệu nghiên cứu di dân ở Việt Nam. Đề tài này được thực hiện bởi nhóm nghiên cứu gồm Nguyễn Thị Hoà và một số cán bộ thuộc Trung tâm nghiên cứu Giới và Gia đình, Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ; một số giảng viên thuộc Đại học Cần Thơ, và Cao đẳng Cộng đồng Trà Vinh nay là Đại học Trà Vinh.

* Viện Khoa học Xã hội vùng Nam Bộ.

Nghiên cứu “Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới Thành phố Hồ Chí Minh” được thực hiện tại phường 9, thị xã Trà Vinh, với mong muốn trả lời cho các câu hỏi: Phụ nữ dân tộc thiểu số tham gia vào quá trình di cư như thế nào? Vì sao họ đến được Thành phố Hồ Chí Minh? Nguyên nhân họ ra đi? Công việc cụ thể của họ là gì? Những công việc đó có giúp ích gì cho gia đình và cộng đồng gốc? Họ tồn tại ra sao trong môi trường hoàn toàn mới mẻ và phức tạp? Họ phải đương đầu với những rủi ro, thách thức nào? Nhà nước đã có chính sách cụ thể nào đối với bộ phận lao động này?...

Tư liệu dùng trong báo cáo này chủ yếu lấy từ các cuộc phỏng vấn cấp cộng đồng, cấp hộ gia đình được thực hiện tại phường 9, thị xã Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh và các phỏng vấn sâu số lao động nữ hiện đang giúp việc nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Nội dung của báo cáo gồm 4 phần chính:

1. Tổng quan nghiên cứu

Phần này đề cập tới một số nghiên cứu có liên quan tới nội dung nghiên cứu của đề tài:

- Một số báo cáo trong phiên họp của các chuyên gia Liên hợp quốc về vấn đề nữ quyền trong di dân nội địa (Mêhicô, 1991). Cũng trong phiên họp này, các tác giả đã phân tích một số vấn đề mang tính vĩ mô của hiện tượng di dân thông qua những ví dụ cụ thể của 32 quốc gia, bao gồm: Trung Quốc, Ấn Độ, Ai Cập, Indonesia, Bangladesh, Thái Lan... Các chuyên gia đã thống nhất những quan điểm về các khái niệm cơ bản có liên quan đến vấn đề di dân, ý nghĩa của di dân và đặt ra các câu hỏi: Vì sao phụ nữ ở những nước này lại di cư? Vì sao di dân nữ thường bị lãng quên trong các nghiên cứu về di dân?... Các chuyên gia cũng nhất trí cho rằng, những phụ nữ tham gia di cư thường là những phụ nữ trẻ, có trình độ học vấn thấp, chưa lập gia đình, và phần lớn trong số họ đều làm việc trong ngành dịch vụ, có thu nhập thấp. Một vấn đề mang tính phân tích giới được các chuyên gia thảo luận sôi nổi, đó là người quyết định việc di cư của những phụ nữ đó là ai? Kết quả của việc phân tích này cho rằng, vị trí của người phụ nữ di cư có xu hướng được cải thiện khi quyết định di cư đó do chính họ đưa ra. Ngoài ra, phiên họp cũng thảo luận những hậu quả của việc di cư đối với phụ nữ; những chính sách di dân nội địa liên quan đến phụ nữ; vai trò của các nữ di cư trong phát triển; những đề xuất nhằm cải thiện vị trí của phụ nữ di cư... Về phương pháp nghiên cứu, vấn đề phương pháp tiếp cận đa cấp độ (cấp độ cá nhân, cấp độ gia đình và cấp độ cộng đồng bao gồm cả những chuẩn mực văn hoá, các chính sách

xã hội v.v...) đã được các chuyên gia bàn tới như là một hướng mới khắc phục tình trạng phiến diện trong công tác thu thập thông tin.

- Một số nghiên cứu trường hợp về di dân đã phân tích những mong muốn và thái độ trái ngược nhau của di dân vị thành niên ở Thái Lan. Một mặt, những nữ di dân trẻ tuổi có thể đáp ứng trách nhiệm giúp đỡ gia đình bằng cách tiết kiệm hầu hết tiền lương để gửi về cho gia đình, thể hiện vai trò là người con gái đầy trách nhiệm. Nhưng mặt khác, họ lại muốn được thoả mãn những mong ước riêng của cá nhân về những đồ dùng hiện đại như quần áo, mỹ phẩm, các thiết bị nghe nhìn... Tuy nhiên, trong thực tế, họ đã không thể thực hiện được cả hai nhu cầu này cùng một lúc (Mary Beth Mills, 1999). Một số nghiên cứu di dân khác lại chú trọng tới vấn đề di dân dưới hình thức kết hôn giữa công dân Nhật, Trung Quốc, Hàn Quốc, Việt Nam, Đài Loan (Hong-zen Wang và Shu-ming Chang, 2002); Nội dung buôn bán phụ nữ cũng được đề cập trong một số nghiên cứu di dân và đô thị ở Đông Nam Á, Trung Quốc... (Philip Guest, 2004; Huang ping, 2004...)

- Những nghiên cứu về nữ di dân không chỉ đề cập tới khía cạnh việc làm của nhóm di cư nói chung mà còn quan tâm tới những nhóm đặc thù như các cô gái hành nghề mại dâm, với những hậu quả mà các cô phải gánh chịu khi mắc phải căn bệnh thế kỷ HIV, AIDS và sự cô lập của người thân khi họ trở về nhà (Mony Tep và Salon Ek, 1998; Anindita Dasgupta, 2003). Trong *Nghiên cứu về những cô gái Việt Nam làm nghề mại dâm ở Campuchia*, Mony Tep và Salon Ek đã cung cấp cho người đọc một số thông tin về cuộc sống của 25.000 cô gái Việt Nam tới Campuchia tìm kiếm việc làm. Nhiều cô gái trong số này còn rất trẻ, họ được người tuyển dụng hứa hẹn về công việc và mức lương hấp dẫn, nhưng trong thực tế đã bị bán vào các quán bar, massage, karaoke, nhà chứa và buộc phải làm "sex workers" tại "Khu công nghệ tình dục" gần thủ đô Phnôm Pênh. Nhiều cô gái mặc dù đau đớn, xấu hổ, nhưng đã tìm mọi cách để trở về nhà. Tuy nhiên, vì trong thời gian làm "sex workers", những cô gái này đã mắc phải căn bệnh HIV, AIDS nên người thân trong gia đình đã đón nhận các cô hết sức ghê lạnh, mặc dù trong thời gian làm việc ở Campuchia, các cô đã nhiều lần tìm cách gửi tiền về phụ giúp gia đình.

- Trong những năm vừa qua, ở Việt Nam, đã có nhiều công trình nghiên cứu di dân nội địa gồm những nghiên cứu ở cấp độ lý thuyết và cấp độ thực nghiệm. Trong các nghiên cứu về lao động nữ di cư ở cấp độ lý thuyết, đáng chú ý hơn cả là nghiên cứu của Nguyễn Thanh Tâm (2003) và nghiên cứu về phụ nữ di cư nông thôn - đô thị ở Thành phố Hồ Chí Minh (Hà Thị Phương Tiến, 2002). Đây là những công trình nghiên cứu trên phạm vi quốc gia, khách thể nghiên cứu là lao động nữ

nói chung trong độ tuổi lao động (từ 18-55 tuổi) và chủ yếu hướng vào những vấn đề liên quan đến đời sống kinh tế của lao động nhập cư.

- Những nghiên cứu về di dân ở Việt Nam trên cấp độ thực nghiệm, đa phần là tìm hiểu và phân tích những vấn đề mang tính chất vĩ mô. Vì vậy, nó đóng góp quan trọng vào việc hoạch định những chính sách phân bố dân cư của Nhà nước. Những vấn đề được quan tâm nhiều nhất là đặc trưng cơ bản của người di cư, nguyên nhân di chuyển, đánh giá các tác động của di dân... Những phân tố được quan tâm xử lý là: cơ cấu tuổi, giới tính, lý do di cư, các loại hình di cư, các loại hình nghề nghiệp của người nhập cư, khả năng tìm kiếm việc làm và thu nhập, sự tác động và ảnh hưởng của nơi xuất cư và nơi nhập cư... Nhìn chung, những nghiên cứu này đều tập trung phân tích thông tin ở góc độ kinh tế và chỉ ra được các biểu hiện về hành vi, còn thông tin về các mặt đời sống tình cảm, tinh thần, hành vi lối sống của người nhập cư, những nhận thức của họ về các vấn đề xã hội, cũng như tác động của việc di cư đối với chính bản thân của người di cư hầu như chưa được đề cập tới. Đặc biệt, phần phân tích các vấn đề liên quan đến nữ lao động di cư gần như chưa có hoặc chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong những nghiên cứu trên.

- Nghiên cứu di dân ở Việt Nam thường phân biệt hiện tượng di dân có tổ chức và di dân tự do. Nổi bật trong số nghiên cứu di dân có tổ chức là những công trình nghiên cứu về di dân do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện Kinh tế nông nghiệp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Cục Di dân) tiến hành vào các năm 1996, 1997, 1998. Các nghiên cứu này cho thấy, từ năm 1960 đến nay, đã có hơn 6 triệu người di cư và trên 1,7 triệu ha đất nông nghiệp đã được khai hoang đưa vào sản xuất. Xu thế di dân có tổ chức là các đợt chuyển dịch dân cư lớn đến các vùng kinh tế mới trong thời gian từ năm 1976 đến năm 1990. Tuy nhiên, nhiều công trình nghiên cứu về các xu hướng di cư nói chung đã cho thấy, sau những năm 90, di cư tự do có xu hướng gia tăng (Dự án VIE/95/004).

- Nhiều nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng, quá trình di cư không chỉ bị thúc đẩy bởi những chính sách di dân trực tiếp mà bởi cả những chính sách kinh tế - xã hội trong quá trình đổi mới (Đặng Nguyên Anh, Nguyễn Bình Minh, 1998; Dự án VIE/95/004: Báo cáo Thành phố Hồ Chí Minh, 1998; Báo cáo khảo sát Hà Nội, 1997; Báo cáo Viện Kinh tế nông nghiệp, 1998; Doãn Mậu Diệp, Trịnh Khắc Thẩm, 1998).

- Các nhà nghiên cứu di dân Việt Nam cũng chú ý đến các hướng di dân xuất phát từ Việt Nam. Ví dụ vấn đề lấy chồng Đài Loan như một hình thức di cư xuyên quốc gia tại đồng bằng sông Cửu Long và những hệ quả rút ra từ các cuộc nghiên cứu trên đã góp phần cảnh báo về những mặt trái của quá trình toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế ở Việt Nam. (Phan An, 2003; Trần Thị Kim Xuyên, 2004)

- Sự tăng trưởng kinh tế và mở rộng phạm vi đô thị cũng là một trong những nguyên nhân tạo ra luồng di cư nông thôn - đô thị. Để phản ánh tình hình này và tìm hiểu những vấn đề liên quan đến di dân, việc làm, đô thị hoá... một số cơ quan khoa học, cơ quan chủ quản Việt Nam đã phối hợp với đối tác nước ngoài triển khai những dự án nghiên cứu ở tầm vĩ mô tình trạng di dân tự do vào thành phố Hà Nội (Viện Kinh tế nông nghiệp, 1999); về di dân tự do vào Thành phố Hồ Chí Minh (Viện kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, 1997)...

- Ngoài những công trình trên, nhiều đề tài nghiên cứu chuyên sâu về một số cộng đồng di cư cũng đã được công bố. Trong đó, các tác giả đã chú trọng tới ảnh hưởng của di dân đối với cộng đồng gốc và nơi đến của người nhập cư. Đồng thời, một số vấn đề cụ thể có liên quan tới di dân cũng đã được đặt ra. Ví dụ chiến lược sinh tồn của người nhập cư, những khuôn mẫu đang thay đổi (Nguyễn Văn Chính, 2002); Nguồn gốc xã hội và kinh tế của nhập cư (Douglas Massey, 1994; Nguyễn Thị Hoà, 1999); Di dân và vấn đề sức khoẻ (Mark Vanlandingham, 2004); Vai trò mạng lưới xã hội trong quá trình di cư (Đặng Nguyên Anh, 1998)...

- Những nghiên cứu về di dân nữ, đặc biệt nữ vị thành niên ở Việt Nam còn hạn chế về nội dung. Có một số tổ chức phi chính phủ quan tâm đến trẻ em nhưng lại hướng vào mục tiêu nghiên cứu sức khoẻ (Quỹ Nhi đồng Úc); vào các trẻ em khuyết tật, nhóm trẻ nghèo (Quỹ Nhi đồng Anh); Cũng đã có nghiên cứu về nhóm vị thành niên nhập cư ở Việt Nam như đề tài "Vị thành niên và biến đổi xã hội ở Việt Nam" do Viện Xã hội học Hà Nội hợp tác với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội, Vụ Nghiên cứu chính sách, Hội đồng dân số New York. Nghiên cứu này cung cấp những thông tin cơ bản nhất về đời sống vị thành niên trong bối cảnh chuyển đổi kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu này không phân tích một cách tách bạch nhóm vị thành niên tại chỗ và vị thành niên nhập cư; đặc biệt, những thông tin mang tính phân tích giới đã không được thu thập một cách đúng mức. (Barbara S. Mensch; Đặng Nguyên Anh, Wesley H. Clark, 2002)

- Có thể nói di dân đến các thành phố lớn là chủ đề được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm trong thời gian vừa qua. Các tác giả thường tập trung tìm nguyên nhân của vấn đề di dân vào thành phố và nhấn mạnh đến những thuận lợi cũng như bất lợi của những người nhập cư và những cư dân tại chỗ dưới tác động của quá trình này (Nguyễn Văn Tài, 1998; Nguyễn Văn Năm, 2002). Những nghiên cứu này tập trung tìm hiểu những vấn đề: Vì sao người dân ra đi? Vì sao người ta đến nơi này chứ không phải nơi khác? Làm cách nào để quản lý được làn sóng người nhập cư đang đổ vào các thành phố lớn như Hà Nội hoặc Thành phố Hồ Chí Minh?...

- Về khách thể nghiên cứu, nhiều cuộc nghiên cứu coi những người nhập cư như một nhóm người đồng nhất, hoặc lấy hộ gia đình như một đơn vị nghiên cứu để phân tích, bỏ qua những khác biệt về giới tính, tuổi tác và những đặc điểm tâm

lý, xã hội khác (Nguyễn Văn Tài, 1998; Nguyễn Khắc Thẩm, 1999; Trần Thị Hồng Vân, 1999). Một số cuộc nghiên cứu đã tách riêng những người nhập cư nữ để nghiên cứu những đặc điểm của nhóm nhập cư này, nhưng không phân biệt giữa nhóm nhập cư là trẻ em và những người nhập cư lớn tuổi (Hà Thị Phương Tiến, Hà Quang Ngọc, 2000). Có những nghiên cứu về trẻ em nhập cư, nhưng thường được ghép đối tượng này vào nhóm trẻ lang thang đường phố và được phân tích dưới cách tiếp cận công tác xã hội (Nguyễn Thị Phương, 1999; Đỗ Thị Ngọc Phương, 2000). Đời sống của nhóm lao động nhập cư lứa tuổi vị thành niên, đặc biệt là các em gái, dường như còn chưa được quan tâm nghiên cứu một cách thoả đáng. (Đặng Nguyên Anh, 2000)

Nghiên cứu về lao động nữ di cư làm nghề giúp việc nhà ở các thành phố lớn như Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Hà Nội, cho đến nay, theo hiểu biết của chúng tôi, vẫn còn rất ít. Có thể dẫn ra đây một số tài liệu, bài báo đề cập tới vấn đề này dưới các góc độ khác nhau, ví dụ:

“May nhờ, rủi chịu. Người giúp việc nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh” của Đỗ Thị Như Tâm do Nhà xuất bản Trẻ phát hành. Đây là tài liệu trong chùm tài liệu trang bị kiến thức về HIV/AIDS cho nhóm dân cư lưu động do tổ chức Care quốc tế tại Việt Nam chỉ đạo thực hiện và tài trợ. Tài liệu này cho thấy những người giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh rất thiếu kiến thức về HIV/AIDS và những hiểu biết của họ về việc chăm sóc sức khoẻ cho bản thân hầu như không có.

Báo cáo về “Thực trạng lao động trẻ em giúp việc nhà ở các nước Đông và Đông Nam Á” của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) - Chương trình quốc tế xoá bỏ lao động trẻ em (IPEC) Bangkok. Nội dung của báo cáo đã gióng lên hồi chuông báo động về việc sử dụng bất hợp pháp lao động trẻ em để giúp việc nhà tại các nước này.

Bài báo “Nghề giúp việc - nhu cầu đột biến” của Nguyễn Bay cho thấy hiện nay nhu cầu về giúp việc nhà rất lớn, và tỷ lệ đáp ứng chỉ được 1/20.

Bài báo “Buồn vui nghề giúp việc gia đình” của Võ Nguyệt Thương nêu lên một thực tế đáng buồn là giúp việc nhà ở Việt Nam chưa được coi là một nghề và chưa được pháp luật bảo hộ.

Bài báo “Kinh doanh Oshin” của Hoàng Diệp cung cấp một số thông tin về nhu cầu tìm người giúp việc nhà tại Hà Nội và những khó khăn thực tế trong quan hệ giữa chủ nhà và người giúp việc nhà.

Những nghiên cứu về di dân ở Việt Nam nói trên, phần lớn là những nghiên cứu thực nghiệm, tập trung vào góc độ kinh tế, việc phân tích giới còn mờ nhạt, những thông tin phân biệt giới chưa được thu thập một cách đầy đủ, các chỉ báo

để đo lường các nguyên nhân xuất cư, sự đóng góp của bản thân người nhập cư đối với nơi xuất cư và nơi nhập cư, sự hoà nhập, những nguyện vọng và sự thay đổi vị trí, vai trò của phụ nữ di cư trong gia đình như thế nào cũng chưa được đề cập đúng mức. Về phương pháp, hầu hết các công trình nghiên cứu về di dân ở Việt Nam từ trước đến nay đều sử dụng phương pháp định lượng trong việc thu thập và phân tích thông tin. Những nghiên cứu bằng phương pháp định tính còn rất hạn chế. (Hà Thị Phương Tiến, Hà Quang Ngọc, 2000)

Việc điểm lại một số nghiên cứu về di dân nói trên cho thấy, những vấn đề như nơi xuất cư và việc làm hiện tại, những nguyên nhân ngoài nguyên nhân kinh tế khiến những người phụ nữ nông thôn ra đi; những đóng góp của họ cho cộng đồng gốc và cho nơi họ đến làm việc; việc thụ hưởng các chính sách xã hội đối với người nhập cư như trợ giúp pháp lý, bảo hiểm xã hội... mới chỉ được đề cập một cách hết sức sơ sài. Những phân tích từ phần tổng quan tài liệu cũng cho thấy quá trình di dân không chỉ ảnh hưởng tới đời sống, mà còn làm thay đổi các vai trò và vị trí của người phụ nữ trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Đồng thời nó còn cho thấy khoảng trống trong nghiên cứu di dân tại Việt Nam là đối tượng lao động nữ giúp việc nhà, trong đó có lao động nữ người dân tộc thiểu số đến từ đồng bằng sông Cửu Long.

2. Giới thiệu cuộc nghiên cứu

Nghiên cứu “Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới Thành phố Hồ Chí Minh” là một nghiên cứu mang đậm tính chất giới. Vì vậy, phương pháp nghiên cứu được sử dụng chính trong đề tài là phương pháp định tính với các công cụ phỏng vấn sâu, phỏng vấn nhóm, case studies, và quan sát không tham dự. Về địa bàn nghiên cứu, nhóm tác giả quyết định chọn phường 9, thị xã Trà Vinh vì những lý do sau:

- Từ thực tế có một số gia đình quen biết của nhóm nghiên cứu và một số thân nhân, bạn bè của nhóm đều có người giúp việc nhà là người Khmer đến từ Trà Vinh. Sự ngẫu nhiên lý thú này đặt ra câu hỏi, có phải phụ nữ Khmer ở Trà Vinh chỉ thích làm người giúp việc nhà?

- Trà Vinh là một trong những tỉnh có tỷ lệ hộ nghèo cao nhất ở đồng bằng sông Cửu Long. Ở đây có tới trên 30% dân số là người Khmer. Có phải vì nghèo khổ mà phụ nữ Khmer đi giúp việc nhà?

- Sau khi nghe báo cáo về tình hình di dân của tỉnh Trà Vinh, nhóm nghiên cứu đã chọn ngẫu nhiên một địa điểm để khảo sát vấn đề xuất cư của phụ nữ, trong đó có phụ nữ Khmer. Đó là phường 9 của thị xã Trà Vinh.

- Thông tin thu được từ các phỏng vấn cấp cộng đồng cho thấy, trước tháng 10/2002, phường 9 là xã Đa Lộc và Lương Hoà với gần 100% dân số là người Khmer,

chủ yếu sống bằng nghề nông. Hiện phường 9 có diện tích tự nhiên là 1.177,85 ha với 1.642 hộ và 7.422 nhân khẩu, trong đó hơn 85% là người Khmer. Tỷ lệ người Khmer giảm trong dân số phường 9 vì tốc độ đô thị hoá ở đây cao hơn hẳn các khu vực khác xung quanh thị xã Trà Vinh, khiến nhiều người dân thị xã đổ về đây mua đất cất nhà dọc hai bên đường, hình thành nên những cụm dân cư mới với những kiểu nhà đặc trưng phố thị và khu chợ đông đúc. Phường 9 còn là địa bàn cửa ngõ nối thị xã Trà Vinh với huyện lỵ Trà Cú, Châu Thành và nằm dọc theo hai bên đường quốc lộ 54. Đặc điểm địa lý này giúp cho nghề buôn bán ở phường 9 khá phát triển, từ 100% cư dân làm nông nghiệp, đến nay chỉ còn khoảng 80% cư dân ở đây sống bằng nghề nông.

- Theo báo cáo của Ủy ban nhân dân phường 9, kinh tế của phường hiện nay còn gặp rất nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo vào loại cao so với các phường khác của thị xã, đặc biệt từ khi thực hiện chuẩn nghèo mới, số hộ nghèo của phường đã tăng vọt từ 400 hộ lên trên 700 hộ, trong đó hầu hết là hộ người Khmer. Hằng năm có khoảng trên một trăm người (trong thực tế cao hơn nhiều) có hộ khẩu phường 9, làm đơn xin tạm vắng để đi thành phố kiếm việc làm, trong số này có nhiều phụ nữ người Khmer. Tuy nhiên, những người này về Thành phố Hồ Chí Minh làm gì, làm ở đâu... thì bộ phận chức năng của phường không nắm được chính xác.

UBND phường 9 khẳng định, trong 10 khóm của phường, khóm nào cũng có người về Thành phố Hồ Chí Minh kiếm sống nhưng phường không nắm được khóm nào có nhiều phụ nữ Khmer về Thành phố Hồ Chí Minh làm nghề giúp việc nhà. Vì vậy, nhóm nghiên cứu đã quyết định chọn mẫu tại khóm 1, khóm 2, khóm 4 và khóm 9 với các đặc điểm cụ thể sau:

- + Khóm 2 là khóm nghèo;
- + Khóm 1 là khóm cận nghèo;
- + Khóm 4 là khóm trung bình khá;
- + Khóm 9 là khóm khá giả.

Từ danh sách hộ dân do các Khóm trưởng cung cấp, nhóm nghiên cứu đã chọn được 54 hộ gia đình để phỏng vấn sâu, tìm hiểu vấn đề di cư nói chung và di cư làm nghề giúp việc nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là đối tượng nghiên cứu thứ nhất của đề tài. Trong số 54 hộ gia đình nói trên, có 31 hộ gia đình có con gái, em gái, cháu gái, hoặc vợ đã và đang giúp việc gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tuy chỉ có 31 hộ/54 hộ có người nhà đang giúp việc ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng số lao động nữ ra đi từ những gia đình này lên tới con số 43 vì có một số gia đình có 2, hoặc 3 chị em cùng đi. Con số 43 không bao gồm số lao động trong cùng gia đình tới Thành phố Hồ Chí Minh kiếm sống nhưng không làm công việc giúp việc nhà.

Từ những thông tin do phỏng vấn cấp hộ gia đình và phỏng vấn nhóm tại 4 khóm nói trên cung cấp, nhóm nghiên cứu đã theo chân các cô gái ra đi từ phường 9, thị xã Trà Vinh (đối tượng nghiên cứu thứ hai) để tìm hiểu các vấn đề như: Vì sao họ ra đi? Ai quyết định việc ra đi của họ? Công việc cụ thể của họ và điều kiện sống cũng như sự thích nghi với môi trường sống của họ tại Thành phố Hồ Chí Minh ra sao? Thu nhập của họ có vai trò như thế nào đối với gia đình ở quê? Nhận thức của họ về một số vấn đề liên quan đến giới như vai trò trụ cột trong gia đình, sức khoẻ sinh sản, chính sách xã hội đối với lao động nhập cư như thế nào?...

Việc theo chân những cô gái đến từ phường 9 không hề đơn giản, từ những thông tin do gia đình, do người môi giới (cò) cung cấp, nhóm nghiên cứu đã mất rất nhiều thời gian và công sức tìm kiếm mới gặp được nhóm đối tượng thứ hai của cuộc nghiên cứu. Khó khăn lớn nhất vì địa chỉ không rõ ràng, vì có nhiều người đã thay đổi nơi giúp việc, cũng có người đã chuyển nghề, và một số đã quay về phường 9...

Với phương pháp tiếp cận giới, nhóm nghiên cứu đã tiếp cận các đối tượng nghiên cứu để tìm hiểu những vấn đề liên quan tới nội dung nghiên cứu và phân tích chúng dưới góc độ giới để kiểm chứng giả thiết cũng như để trả lời các câu hỏi nghiên cứu của nhóm. Sau đây là những phát hiện chính của cuộc nghiên cứu “Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới Thành phố Hồ Chí Minh”.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thông tin cơ bản của những hộ gia đình có thân nhân là người giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh

Từ những phỏng vấn sâu các hộ gia đình có con em đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhóm nghiên cứu đã thu được những thông tin cơ bản sau:

- Giới tính của chủ hộ: chủ hộ nữ chiếm 25%; chủ hộ nam: 75%.
- Tình trạng hôn nhân: 82,1% có vợ/chồng; 17,9% góa chồng.
- Dân tộc: 97% là hộ người Khmer, 3,3% là hộ người Kinh.
- Tôn giáo: 100% theo đạo Phật.
- Bình quân nhân khẩu: 5,89 người/hộ gia đình.

- Văn hoá: 29% chủ hộ trả lời phỏng vấn mù chữ, trong đó chủ hộ nữ chiếm 87,5%; 46,4% có trình độ văn hoá từ lớp 1 đến lớp 5; 10,7% học lớp 6; 7,1% học lớp 8... Đặc biệt có một số hộ gia đình hoàn toàn mù chữ, mặc dù con cái trong nhà

đều đang ở độ tuổi từ 8 đến 15, là độ tuổi đến trường và được hưởng chính sách ưu đãi hoàn toàn về học phí khi các em tham gia đi học.

- Kinh tế: hơn một nửa số hộ gia đình tham gia trả lời phỏng vấn là những hộ không có đất canh tác. Cụ thể: 57,1% hộ không có đất, trong đó 81,25% là chủ hộ nam, 18,75% là chủ hộ nữ. Tuy nhiên, khi tìm hiểu kỹ thì chúng tôi được biết trong số những hộ không có đất trong mẫu có tới hơn 50% đã bán đất hoặc cầm cố để chi dùng trong gia đình, sau đó không có tiền chuộc dẫn đến tình trạng bị mất đất.

- Bình quân số người có việc làm trong số hộ gia đình tham gia trả lời phỏng vấn là 3,75, trong khi bình quân nhân khẩu của hộ là 5,89 người/hộ.

- Bình quân thu nhập/tháng của các hộ trong mẫu là 1.906.640VND. Thu nhập bình quân tính theo đầu người trong hộ là 327.867 VND/tháng. Nếu chia theo tình trạng hôn nhân thì thu nhập bình quân đầu người của các hộ có đầy đủ vợ chồng cao hơn hẳn so với các hộ thiếu vắng vợ hoặc chồng: 332.854VND/304.928VND/tháng. Nếu phân tích thu nhập theo tỷ lệ đóng góp của các thành viên trong gia đình thì bình quân số tiền của thân nhân đang giúp việc tại Thành phố Hồ Chí Minh gửi về đạt 428.570VND/tháng, chiếm từ 29 - 30% tổng thu nhập/tháng của hộ. Đây là phần thu nhập ổn định và rất quan trọng đối với các hộ gia đình trong mẫu, mặc dù không phải tháng nào các em cũng gửi về, mà gửi theo quý, theo yêu cầu của gia đình v.v...

Đánh giá về số tiền do con, em đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh gửi về, trừ PV4 là hộ khá giả, không lấy tiền của con, còn lại tất cả các hộ gia đình trong mẫu đều khẳng định, đó là khoản thu nhập hết sức quan trọng đã giúp họ chấm dứt cảnh thiếu đói giáp hạt mỗi năm vài ba tháng và thoát khỏi nợ nần. Một số hộ còn mua sắm được những vật dụng đắt tiền như xe máy, tivi, sửa được nhà hoặc xây mới, thậm chí mua sắm nữ trang v.v...

PV13 cho biết: "Sau gần hai năm giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, hai con gái của bà đã giúp gia đình trả hết nợ, hằng năm không còn cảnh đói ăn lúc giáp hạt, lại mua sắm được tivi, đầu máy và lo tiền học cho đứa út".

PV18 cũng cho biết, hai vợ chồng ông được một chủ xưởng xe đạp ở Thành phố Hồ Chí Minh mướn, chồng làm bảo vệ, vợ làm người giúp việc nhà nên "thu nhập của cả hai đã giúp gia đình tôi trả được món nợ truyền kiếp và còn có tiền để đi thăm nuôi con trai trong tù".

PV22 nói về đứa con gái đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh như sau: "Cháu S. đi giúp việc nhà từ năm 13 tuổi, đến nay được 18 năm rồi! Thu nhập của cháu cao nhất nhà, khi cháu chưa làm ở thành phố, năm nào tôi cũng phải vay lãi rất nặng để mua phân bón, thuốc trừ sâu, nay hết cảnh đó rồi, nhà đã được xây,

sửa lại và sắm được tivi, tủ lạnh. Cháu còn bắt gia đình mắc điện thoại để mỗi khi cháu gọi về không phải chạy đi nghe nhờ v.v...".

Đồng tiền từ các lao động nữ giúp việc nhà gửi về không chỉ giúp gia đình trang trải nợ nần, lo toan cuộc sống thường ngày, mà nó còn nhen lên những mơ ước thay đổi cuộc sống. Đó là trường hợp của PV17, PV21 và PV15. PV17 cho biết: "nhờ tiền của hai con gái ông gửi về, ba đưa con còn lại đều mơ ước được học đến nơi đến chốn để làm cô giáo". Trong khi đó, chủ hộ K.S. (PV15) vui vẻ chia sẻ: "Sau một thời gian giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, hai đứa con gái của ông đã đưa người em trai lên thành phố học nghề sửa xe, hàn xe, bây giờ mỗi tháng nó cũng đã có lương 700.000đ".

Đặc biệt có hộ ngoài việc trang trải xong nợ nần, chấm dứt cảnh thiếu đói hàng năm, còn dư tiền mua sắm nữ trang. PV17 cho biết: "Từ khi bé Linh và bé Lan đi giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, từ chỗ thiếu ăn hàng năm, nợ nần chồng chất, nhiều khi không dám lộ mặt ra đường vì sợ chủ nợ, đến nay (sau 7 năm) nhà mình đã có của ăn, của để, ngày lễ, ngày tết, tôi còn mua sắm được nữ trang cho mình".

Tuy nhiên, không phải hộ gia đình nào cũng sử dụng những đồng tiền do con em mình gửi về một cách hợp lý. Hộ PV30 kể lại những ngày đầu cho con gái lên thành phố giúp việc nhà: "Tui nói, con đi đi, ráng làm tiết kiệm đủ 8 triệu để trả nợ tiền làm đám ma cha con, con tui không thích xa nhà, nó vừa đi vừa khóc, không dám cãi mẹ, nó thương tui lắm. Từ khi đi nó chưa về nhà (hơn 2 năm). Tết rồi tôi nói nó gửi tiền về cho tôi đi đám, tháng 2 tôi phải đi tới 23 đám, nó gửi liền"...

Mặc dù gần như tất cả các hộ đều thừa nhận tầm quan trọng của khoản thu nhập do con em mình gửi về, nhưng chỉ có 4/31 hộ biết con em mình đang làm việc ở đâu. Một trong 4 hộ này là hộ 17, có hai con đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh. Có lẽ do ăn năn từ việc cho đứa con đầu đi làm quá sớm (chưa tới 13 tuổi), sợ con không làm được, chủ đuổi về, nên mẹ cô nhờ "cò" đưa lên tận nơi thăm con. Bà cho biết: "Con tôi học dở lớp 3 tui cho nó đi giúp việc nhà rồi, nó còn nhỏ quá nên chồng tui la tui hoài, lối xóm cũng nói tôi ham tiền, bắt con đi làm xa v.v... Chồng tôi bắt tôi lên thành phố xem con bé làm ăn ra sao, tôi phải nhờ "cò" dắt lên thăm con. May mà nó gặp được chủ nhà tốt bụng, thỉnh thoảng tôi lên thăm nó, nhà chủ biết tôi thật thà, nhờ tôi tìm giúp mấy đứa con gái ngoan như con gái tôi cho mấy người bạn. Đứa con thứ hai của tôi cũng do tôi tự tìm chủ nhà cho nó, lúc đó nó đang học dở lớp 6. Cứ mỗi đứa đưa lên, tôi được chủ nhà trả cho 200.000đ và tiền xe đò. Tôi đã đưa được mười mấy, hai chục đứa đi rồi...". Có lẽ đây chính là khoản tiền mà bà thường dùng để mua sắm nữ trang mỗi dịp lễ tết. So với những người mẹ trong khóm có con đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh thì mẹ của hai em là người duy nhất thiết lập được mối quan hệ tốt với

chủ nhà của các con. Một số nhà bán quán ở thành phố nhờ bà tìm người giúp việc nhưng chủ nhà của con gái bà khuyên bà đừng làm, vì các bé làm ở đó rất cực và tương lai chẳng biết thế nào trong môi trường phức tạp, bà đã nghe theo. Chúng tôi không biết có khi nào bà ăn năn về chuyện đã bắt các con bỏ học để đi làm quá sớm như vậy không?

Giống như các hộ khác có con đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, 27 hộ còn lại cũng rất thương yêu, lo lắng và “nhớ lăm nùm ruột của mình khi chúng đi xa”, nhưng khi hỏi địa chỉ nơi làm việc của con, họ thật thà cho biết họ chỉ biết các cháu đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn cụ thể làm ở đâu, gia chủ đối xử như thế nào, điều kiện sống, điều kiện làm việc ra sao... thì họ không để ý. Tuy nhiên, khi nào cần tiền hoặc muốn con về làm lễ chịu tuổi thì họ nhờ “cò” nhắc giúp. PV19 là một trong những trường hợp như vậy. Ông nhờ “cò” tìm việc cho con gái, nhờ “cò” nhắc con gái gửi tiền về mỗi khi cần. Con gái ông giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh đã được 6 tháng, khi gặp chúng tôi ông nói: “6 tháng rồi mà nó chưa được lên lương, tôi sẽ cho nó nghỉ việc chỗ này để kiếm chỗ khác lương cao hơn”...

PV31 cho biết: “Hai con tôi thường xuyên gửi tiền về nhà, mỗi năm chúng về nhà một lần vào dịp tết, thấy chúng mập ra, trắng ra là vợ chồng tôi vui rồi, đâu cần biết chúng nó làm ở đâu, có gì thì hỏi “cò” được rồi”!

Tuy nhiên, không phải trường hợp nào cũng được như vậy. PV13 thường xuyên sống trong cảnh nợ nần, thiếu đói đã cho hai con gái bỏ học lên thành phố làm việc khi “cò” cho biết có chủ nhà cần 2 đứa ở gái. Khi ra đi, cô chị 16 tuổi, cô em mới được 12 tuổi ít ngày. Theo thỏa thuận với “cò”, lương tháng của 2 chị em là 350.000đ/tháng. Tuy nhiên, sau hai tháng phụ bán cơm, chủ chỉ trả 300.000đ, khi mẹ các em gọi điện lên hỏi, chủ cúp máy không nói chuyện. PV13 than thở: “Lúc đó con mình còn nhỏ quá, mình lại ở xa nên chủ nhà ép giá, muốn trả bao nhiêu cũng phải chịu, không trả đủ tiền mình cũng không biết làm sao”. “Đến nay, sau 2 năm, số tiền chủ nhà nợ hai con bà vẫn chưa lấy được”.

PV26 cũng cho con gái đi làm từ năm 13 tuổi nhưng không biết con mình làm gì, làm cho ai và ở đâu?... Cô bé được “cò” đưa tới một gia đình chuyên chữa bệnh cho chó. Nhiệm vụ hằng ngày của cô là nấu ăn cho 25 con chó và tắm cho chúng. Ban đêm, cô ngủ ngay cạnh chuồng chó, tiếng chó tru, chó ồm rên rỉ, cắn nhau, làm một cô gái đang tuổi ăn, tuổi ngủ như cô cũng không thể ngủ được. Cô gọi điện về nhà nói muốn bỏ việc, nhưng mẹ cô không cho vì đã xin chủ nhà ứng trước 3 tháng lương của cô. Sau 3 tháng, cô gầy đi 3kg, và bỏ việc. Đến nay cô đã chuyển chỗ làm 6 lần và lần nào lý do bỏ việc cũng liên quan đến sức khỏe.

Khi tìm hiểu về thái độ của các thành viên trong gia đình đối với nghề giúp việc nhà của con em mình, nhóm nghiên cứu đã nhận được những phản hồi hết

sức trái ngược. Nếu như gia đình của PV23 “tự hào với lối xóm vì nhiều gia đình trong khóm mong con gái họ lớn nhanh để đi giúp việc nhà gặp được gia chủ tốt, có thu nhập cao như con gái tôi”, thì PV2 có mẹ đang làm giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh nói thẳng với nhóm nghiên cứu rằng: “Tôi thấy xấu hổ khi để mẹ mình đi làm cái việc hầu hạ người khác...”. Mặc dù hằng tháng gia đình người con trai này vẫn nhận 500.000đ từ người mẹ gửi về, và chính anh cũng thừa nhận: “Từ ngày mẹ tôi giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh, nhà tôi không còn cảnh thiếu đói 3 tháng mỗi năm, các con tôi đã có quần áo mới vào đầu năm học ...”. Trường hợp PV18 cũng tương tự PV2. Bà Thạch O, mẹ của hai cô gái đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh cho biết: “Ba đưa em của Mỹ Linh và Mỹ Lan lớn rồi nhưng nhất định không chịu đi thành phố làm việc như hai chị, chúng nói chúng không muốn lên thành phố làm như chị hai, chị ba, đó là làm mướn, chúng muốn làm cô giáo...”. Gia đình PV34 có chồng làm mướn, vợ gánh nước thuê, có con gái lớn giúp việc ở Thành phố Hồ Chí Minh tháng nào cũng gửi tiền về lo chi xài trong nhà và tiền học cho ba em, nhưng mẹ các cô nói dứt khoát: “Còn ba đưa này (chỉ vào ba đưa con đang ăn cơm), vợ chồng tôi không cho đi thành phố giúp việc nhà nữa mà cố gắng cho chúng ăn học để làm việc khác”.

Tuy nhiên, phần lớn các hộ gia đình đều muốn cho con em họ tiếp tục giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh. Lý do đơn giản nhất được đưa ra là: “Làm trên đó không tốn kém gì, ăn ở có người lo lại có tiền gửi về, ngu gì không làm” (PV3). Hoặc: “Con tôi làm trên có thu nhập ổn định, không mất tiền ăn, được ở miễn phí không mất tiền như đi làm công nhân, nên tôi muốn chúng nó làm việc lâu dài ở đó” (PV11). PV22 dứt khoát hơn, ông nói: “Ví dụ ở đây có điều kiện làm như ở thành phố mình vẫn thích cho con gái mình làm ở thành phố hơn. Làm ở trên lâu lâu về nhà một lần mới có dư, chứ làm ở đây, được bao nhiêu ăn bấy nhiêu lấy đâu mà dư. Ở đây nó làm chỉ đủ miệng nó, làm ở thành phố không tốn tiền ăn mà hằng tháng còn gửi về cho gia đình được tới 400.000đ”.

Mặc dù có những phản hồi khác nhau về nghề giúp việc, nhưng về mặt tâm linh, 100% các hộ được hỏi đều cho biết, con em họ làm việc ở thành phố, không có điều kiện đi chùa thường xuyên như ở Trà Vinh. Đây cũng là lý do khiến một số gia đình mong muốn con quay về Trà Vinh sau khi các em kiếm được một số vốn.

Về việc ra đi của con em các gia đình trong mẫu, phần lớn đều thông qua người môi giới. Hầu hết các gia đình đều phó thác sự may rủi của con em mình cho người môi giới, thậm chí nhiều người môi giới (cò Thanh, cò Cam) còn trở thành người liên lạc thường xuyên cho các gia đình và con em họ.

Như vậy, việc phân tích các thông tin cơ bản thu được từ những phỏng vấn sâu cấp hộ cho thấy, toàn bộ các hộ gia đình (kể cả PV4) có con đang giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh đều có sự cải thiện cuộc sống từ khi cho con đi giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu xét theo khía cạnh giảm nghèo thì đây là một biện pháp rất hiệu quả và mang tính chiến lược đối với các hộ gia đình nghèo

trong mẫu. Nhóm nghiên cứu cũng đã tìm hiểu những tác động từ chính sách xoá đói giảm nghèo của địa phương đối với những hộ gia đình này. Đó là 1/3 số hộ gia đình trong mẫu đang ở trong những ngôi nhà tình thương do xã và một số tổ chức xã hội khác xây tặng trên nền đất của gia đình; 1/10 hộ gia đình trong mẫu được vay tiền từ quỹ xoá đói giảm nghèo... Tuy nhiên, nếu đánh giá một cách tổng thể thì việc giảm nghèo của các hộ gia đình trong mẫu thật sự khả thi từ khi có tiền của con em giúp việc nhà từ Thành phố Hồ Chí Minh gửi về. Song, quá trình ra đi của các lao động giúp việc nhà trong mẫu hoàn toàn mang tính tự phát cho nên bản thân nó chứa đựng nhiều rủi ro và người chịu đựng rủi ro nhiều nhất lại chính là những lao động nữ này.

3.2. Những thông tin thu được từ lao động giúp việc nhà

a) Chân dung nữ lao động giúp việc nhà

Đó là 43 phụ nữ trong độ tuổi từ 12 đến 48 (tính từ lúc bắt đầu đi), phần lớn trong số này có độ tuổi từ 16 đến 25. Cho đến khi ra đi, hầu hết số lao động này không có tay nghề, nghèo, ít học và thất nghiệp. Chỉ có một vài người lớn tuổi như PV1, PV2, PV18 trước khi đi đã từng bán rau ngoài chợ hoặc làm thuê, làm mướn v.v...

Về trình độ văn hoá: có 8/43 (18,6%) mù chữ; 16/43 (37,2%) cấp I; 17/43 (39,5%) cấp II; 2/43 (4,6%) cấp III.

Về thời gian làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh: người đã làm ít nhất là 5 tháng, người cao nhất (tính đến thời điểm trả lời phỏng vấn) là 18 năm. Tuy nhiên, theo nội dung phỏng vấn nhóm có thành phần là cán bộ quản lý cấp xã, khóm, cho biết, vào những năm đầu 80, ở phường 9 đã có một vài hộ cho con em đi giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tình trạng hôn nhân: có 1/43 góa chồng; 1/43 đã ly hôn; 2/43 có chồng; 2/43 có con nhưng không có chồng; còn lại là độc thân.

Có 5/43 lao động nữ giúp việc nhà trong mẫu tự quyết định chuyện ra đi của mình, còn lại là do cha mẹ nhờ người môi giới (cò) dẫn dắt.

Nhìn chung, đây là lực lượng lao động trẻ, khoẻ, có trình độ văn hoá thấp, không có tay nghề và ít vướng bận chuyện gia đình.

b) Nguyên nhân ra đi

Như phần phỏng vấn cấp hộ gia đình đã nói, hầu hết số lao động giúp việc nhà ra đi từ phường 9 đều có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, cùng quần, áo le. Số ít còn lại, tuy gia đình không mấy khó khăn, nhưng bản thân rất thích lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. PV5 cho biết: “Con được người anh bà con ở Thành phố Hồ Chí Minh đưa lên chơi một lần, anh ấy cho đi chơi Suối Tiên, Đầm Sen, từ đó lúc nào con cũng nghĩ mình phải trở lại thành phố, phải sống ở thành

phố... “. Và dịp may đã đến với cô khi gia đình người anh họ đồng ý cho cô lên giúp việc nhà. PV5 có hoàn cảnh kinh tế gia đình khá giả, từ khi làm ở thành phố, cô chưa một lần gửi tiền về cho cha mẹ. Cô nói: “Cha con, má con không cho con đi, chỉ muốn con học tiếp, sợ con đi làm như vậy bị chủ la mắng, nhưng thấy con thích quá đành phải đồng ý. Tiền làm được bao nhiêu, con để dành để làm vốn, cha má con không lấy, lâu lâu về thăm nhà con mua quà thôi”.

Hoàn cảnh gia đình của PV15 tuy không khá giả, gia đình cũng không muốn xa con, không cho con đi làm nghề giúp việc nhà, nhưng vì thích đi thành phố quá, nên cô một mực đòi cha mẹ cho đi theo “cò” Cam, là người môi giới đã đưa vài chục em gái trong khóm lên thành phố giúp việc nhà. Cô cho biết: “Trước khi đi em không biết thành phố HCM như thế nào và cũng chả có bà con gì ở trên, nhưng em thích đi và tự quyết định việc ra đi của mình, em chỉ hỏi ý kiến cha mẹ cho có lệ...”. Trường hợp của PV33 cũng tương tự.

Trường hợp của PV18 lại khác, khi em mới 13 tuổi và đang học dở lớp 3, mấy bạn rủ “đi thành phố làm việc đi, vui lắm, con đi luôn vì biết chủ nhà cạnh nơi bạn con làm, đang cần người”. Ba năm sau, chính cô lại rủ em gái đi theo bước chân mình, từ đó hai chị em cô trở thành nguồn thu nhập chính và ổn định, giúp gia đình cô từng bước thoát nghèo.

Nguyên nhân ra đi của PV23 khá đặc biệt. Cô theo bạn bè đi làm ở Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 13 tuổi, đến năm 17 tuổi cô quay về Trà Vinh chữa bệnh, khỏi bệnh, cô lấy chồng. Tuy nhiên, do chồng cô không chịu ở rể như đã thỏa thuận trước khi cưới, nên cô đòi ly dị. Sau đó, cô thấy buồn và tìm cách quay trở lại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc cho đến nay. Cô cho biết: “Ban đầu, con không có giúp việc nhà, con theo mấy đứa bạn làm cho một cơ sở sản xuất tinh dầu, làm được đâu gần năm con cứ thấy đau và rát trong mũi, nhiều lần con xì mũi ra máu, hắt xì ra máu và đau đầu lắm. Có lần con đau đầu quá phải đi cấp cứu, lần đó con mới biết là bị viêm xoang rất nặng và phải mổ xoang. Dịp đó con xin nghỉ việc nhưng chủ nhà không cho, chủ vẫn giữ của con một tháng lương, nhưng con không quay lại nữa, ngu gì! Bây giờ con đang giúp việc nhà cho một người quen của dì con ở quận Thủ Đức...”. Đến nay, sau 18 năm làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, cô cho chúng tôi biết, vẫn chưa có ý định quay về Trà Vinh.

Những trường hợp còn lại đều cho biết họ đi giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh vì hoàn cảnh kinh tế gia đình quá khó khăn và cũng vì muốn báo hiếu cha mẹ. Đối với người Khmer, việc báo hiếu cha mẹ thường diễn ra như sau, khi con trai đến tuổi trưởng thành, sẽ vào tu ở chùa trong thời gian có thể là một năm, vài tháng, vài tuần hoặc vài ngày để báo hiếu cha mẹ. Còn con gái thì báo hiếu bằng cách giúp cha mẹ làm việc nhà, phụ cha mẹ làm kinh tế v.v... trong trường

hợp cụ thể này là đi giúp việc nhà ở Thành phố Hồ Chí Minh. Nếu xét theo khía cạnh bình đẳng giới thì quan niệm báo hiếu ở đây dường như không công bằng đối với các cô gái. Từ kết quả này, nhóm nghiên cứu đặt ra một số câu hỏi: Tại sao để thể hiện lòng hiếu thảo, chỉ có con gái phải biệt xứ để kiếm tiền? Tại sao các cô gái trong mẫu, làm được bao nhiêu tiền cũng lo gửi về phụ giúp gia đình mà không dám giữ lại chi tiêu cho bản thân? Điều này rất giống một kết quả nghiên cứu tại Thái Lan (xem trang 2, 3 phần Tổng quan), đó là mâu thuẫn trong việc thể hiện vai trò hiếu thảo với gia đình và mong muốn thoả mãn nhu cầu cá nhân của các nữ di dân. Phải chăng đây là một khuôn mẫu mang tính đạo đức đối với phụ nữ người Khmer?

Với những trách nhiệm và quan niệm sống như vậy, các lao động nữ giúp việc nhà trong mẫu sẽ sống và làm việc ở Thành phố Hồ Chí Minh ra sao?

Điều kiện làm việc và điều kiện sống

Trước khi đến Thành phố Hồ Chí Minh, hầu hết các lao động nữ trong mẫu không biết Thành phố Hồ Chí Minh ở đâu, mình sẽ giúp việc cho một gia đình như thế nào, có dễ chịu không; Công việc cụ thể ra sao,... Các cô chỉ biết rằng có gia đình ở Thành phố Hồ Chí Minh cần người giúp việc và nếu đồng ý, “cò” sẽ đưa các cô đi. PV22 cho biết: “Bà Cam (cò) đến nhà hỏi má em có muốn cho con gái lên thành phố giúp việc không, má em đồng ý liền vì bà Cam nói gia chủ tốt lắm”.

Khi còn ở phường 9, thị xã Trà Vinh, các lao động nữ trong mẫu sống trong những khóm ấp luôn tĩnh lặng, với những ngôi nhà chỉ cách nhau một hàng rào râm bụt hay duối dại, thậm chí không có hàng rào. Cửa vào nhà lúc nào cũng rộng mở bất kể có người ở nhà hay không, gặp nhau ngoài đường, mọi người luôn chào hỏi nhau như người quen biết. Khi lên Thành phố Hồ Chí Minh, phải sống trong một môi trường hoàn toàn khác lạ, nhà nào biết nhà đó, các lao động trong mẫu sẽ thích nghi như thế nào? Họ làm việc ra sao trong điều kiện mới lạ đó?

PV9 cho biết: “Những ngày đầu làm ở đây, em không ăn được vì đồ ăn của gia chủ rất khác với đồ ăn em vẫn ăn ở nhà, đêm em cũng rất khó ngủ vì lạ chỗ”.

PV23 giúp việc cho một gia đình ở Thủ Đức, từ thứ hai đến thứ sáu chỉ có cô và 4 con chó giống Berger của Đức sống trong ngôi nhà 3 lầu, thứ bảy, chủ nhật gia đình chủ mới từ Thành phố Hồ Chí Minh về. Cô nói: “Hằng ngày, em lau dọn nhà rồi tắm chó, cho chó ăn. Xong thì em nấu ăn cho mình, nhưng đồ ăn do bà chủ mua nên có nhiều thứ không giống ở nhà, hơi khó ăn. Thỉnh thoảng bà đãi khách, em phải ăn đồ thừa tới mấy ngày mới hết... nhiều lúc em chỉ thèm ăn rau lang luộc...”.

Khổ nhất là những người lớn tuổi, cả đời chỉ đi lại trên mặt bằng nền đất, nay phải lau dọn trong những ngôi nhà lầu vài ba tầng, PV13 kể chuyện: “Nhà

chủ là bác sĩ, có phòng mạch tư, hằng ngày tôi dậy từ 5h, lau 3 tầng lầu, rồi com nước, giặt đồ, dọn nhà... tới 10h tối mới được đi ngủ, mỗi tháng được lĩnh 600.000đ. Cực nhất là hằng ngày phải leo lầu, tôi lớn tuổi rồi, lại bị thấp khớp, nhà chủ cũng cho thuốc uống nhưng không khỏi được”.

Khác với các lao động nữ di cư đến Thành phố Hồ Chí Minh làm việc trong các nhà máy hoặc bán hàng rong, phải lo chỗ ăn, chỗ ở rất vất vả, các lao động nữ giúp việc nhà trong mẫu tuy được chủ bao ăn, ở và cung cấp cho một số nhu yếu phẩm khác như chăn, màn, xà bông, kem đánh răng, thậm chí cả băng vệ sinh. Tuy nhiên, xét về mặt công việc, họ lại có những vất vả không thua kém các lao động nữ di cư nói trên.

Trước hết, nói về thời gian làm việc, hầu hết lao động trong mẫu cho biết hằng ngày họ thường phải thức dậy lúc 5h30 sáng và đi ngủ lúc 22h. Những công việc cụ thể của họ là đi chợ, nấu cơm, rửa chén, dọn dẹp nhà cửa, giặt đồ, ủi đồ, trông nom, chăm sóc em bé hoặc người ốm, người già và rất nhiều việc không tên.

PV1 cho biết: “Hằng ngày em dậy lúc 5h30, sau khi ăn sáng thì đi chợ, về thì lo nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa, trông em bé... Buổi trưa được nghỉ khoảng 1 tiếng, buổi tối thường là 8, 9h mới xong việc. Lương tháng của em năm đầu được 400.000đ/tháng, rồi lên 450.000 và bây giờ là 500.000đ/tháng”.

Với PV8 thì: “Công việc hằng ngày của em là đi chợ, nấu ăn, lau nhà, giặt đồ, trông em bé v.v... hôm nào cũng phải 9, 10 giờ tối mới xong việc. Em không được nghỉ chủ nhật, người ở làm sao nghỉ được ...”.

Nhưng không phải người giúp việc nào cũng được đi chợ, phần lớn lao động trong mẫu chỉ quanh quẩn làm việc trong nhà, không được ra ngoài. PV34 là một góa phụ có 3 con, giúp việc cho một gia đình người Trung kế: “Từ khi làm ở đây chưa bao giờ tôi được bước chân ra khỏi cửa. Mỗi khi gia chủ có việc ra ngoài, họ thường khoá cổng lại. Đã vậy chủ nhà còn nói rất khó nghe, nhiều khi chủ nói một đằng, tôi làm một nẻo, ngày nào cũng bị chủ la lối, chịu không nổi... Từ hồi làm tới giờ lương tháng vẫn được 500.000đ”.

Cùng hoàn cảnh trên, PV4 cho biết: “Con làm cho gia đình có tiệm bán vàng. Công việc hằng ngày là lau nhà, giặt đồ, nấu cơm, rửa chén. Lương tháng hồi đầu được được 350.000đ, nay lên 400.000đ/tháng. Chủ nhà không cho con đi đâu, không được quan hệ với ai, không cho cha con lên thăm, con muốn gọi điện về nhà cũng không được. Chủ nhà nói nếu con cần gì họ sẽ gọi cho bà cò, vì bà ấy thỉnh thoảng vẫn ghé qua tiệm mỗi khi đưa người lên thành phố”.

Trong mẫu có một số lao động nữ gặp phải gia chủ khó tính, đặc biệt là những gia chủ bán quán hoặc có con trong độ tuổi 13 đến 17 tuổi. PV16 cho biết:

“Hồi đầu em giúp việc cho một nhà chủ ở quận Bình Thạnh, công việc không nhiều, nhưng em chỉ làm ở đó được 5 tháng phải chuyển chỗ khác vì con gái của chủ nhà rất đanh đá và khó tính”.

Còn PV11 lại phải chuyển chỗ làm vì “em làm cho một nhà bán com, ngoài việc đi chợ, nấu ăn, lau nhà, giặt đồ, em còn phải chạy bàn những lúc đông khách. Nếu chạy không kịp là bị la, nếu lỡ làm bể chén, đĩa là bị trừ lương...”.

Tuy nhiên, cũng có một số trường hợp may mắn gặp được chủ nhà tốt bụng, còn được khuyến khích đi học văn hoá buổi tối, thậm chí được học nghề. PV26 cho biết: “Hằng ngày, em có nhiệm vụ đi chợ, nấu ăn, giặt đồ, ủi đồ, đưa đón con chủ nhà đi học. Bà hay nhắc em đọc sách báo những lúc rảnh rỗi và khuyến khích em đi học bổ túc buổi tối để sau này đi học nghề...”. Đây là người có mức thu nhập cao nhất trong mẫu, ở thời điểm phỏng vấn, cô được lĩnh 900.000đ/tháng, chưa kể tiền thưởng nếu không để xảy ra đổ vỡ, và chăm sóc bé 5 tuổi lên cân đều hằng tháng.

PV32 nói về công việc của mình: “Hằng ngày, em phải dậy từ 6h sáng lau dọn nhà, làm đồ ăn sáng, nấu com, rửa chén, trông em bé... công việc của em thường kết thúc vào lúc 10, 11 giờ đêm. Tuy vất vả nhưng em không thấy mệt vì cô chủ luôn tin em và dạy nghề may cho em, cô nói sau này nếu không làm cho cô nữa, em có thể đi làm cho công ty. Mỗi tháng em được nhận được 600.000đ”.

Có lao động nữ thỉnh thoảng còn được đi nghỉ, đi chơi cùng gia chủ dịp cuối tuần. PV24 cho biết: “Ngày nào em cũng dậy từ 6 giờ sáng, làm đến tối, kể cả chủ nhật, nhưng thỉnh thoảng vào dịp lễ, tết, hay cuối tuần, chủ nhà lại cho em đi Suối Tiên hay Đầm Sen chơi cùng cả nhà. Mỗi tháng em được nhận 500.000đ”.

Theo quan sát của chúng tôi, nhiều lao động nữ trong mẫu thường ăn com sau khi gia chủ đã ăn xong, và thường ngủ cùng với người mình phải trông nom. PV15 hiện đang giúp việc cho một gia đình có mẹ già 92 tuổi nằm bất động từ mấy năm nay. Cô cho biết: “Ngày nào em cũng dậy lúc 6h sáng, rửa ly, nấu nước, quét nhà, lau nhà, vệ sinh cho bà, tập thể dục cho bà, rồi ăn sáng. Sau đó nấu com, rửa chén... Buổi tối thường khi nào bà ngủ em mới được ngủ, em ngủ chung phòng để tiện chăm sóc bà”.

Những người còn lại cho biết, họ được xếp một chỗ ngủ gần bếp, và giường của họ đơn giản là một cái đệm đơn, tối ngả ra, sáng dựng lên sát tường.

Để có nhận xét khách quan hơn về những thông tin thu được từ các lao động giúp việc nhà, chúng tôi đã trò chuyện với một số gia chủ về người giúp việc của họ. Sau đây là một vài nhận xét của chủ nhà:

Chủ nhà của PV18: “Bé L. làm cho nhà em được 7 năm rồi, hồi đầu tụi em cũng cực lắm, dạy bảo từng chút một, từ cách nấu cơm, luộc rau, trông em... cái gì cũng phải dạy. Nhưng được cái cũng chịu khó và thật thà... thì cũng còn ham chơi, ham ngủ. Bữa nào quên không gọi là ngủ tới 7, 8h luôn. Thích coi phim Hàn Quốc tới khuya, phải nhắc mới chịu đi ngủ”.

Chủ nhà của PV27: “N. nấu ăn cũng được, dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, giặt đồ thấy có tiền trong túi đều trả lại dù ít, nhiều. Hồi đầu cháu nấu ăn, dù đã hướng dẫn nhưng khi nấu xong chỉ có chồng tôi ăn được vì ông ấy đi bộ đội... Góp ý với cháu thì cháu bảo ở nhà vẫn nấu thế, hoặc nhà chủ trước họ thích nấu vậy... Nhìn chung phải dạy bảo nhiều lắm, có điều cháu nói khó nghe quá, nhiều lúc cháu nói, tôi cứ phải hỏi đi hỏi lại mới hiểu. Cháu có phòng ngủ riêng, mỗi tháng chúng tôi trả 700.000đ”.

Những gia chủ đã gặp nhóm nghiên cứu đều thừa nhận, lao động nữ giúp việc nhà người Khmer chịu khó, thật thà, nhưng không nhanh nhẹn như những người giúp việc đến từ các tỉnh phía Bắc và ngôn ngữ rất khó nghe...

Cuộc sống tinh thần của các lao động nữ trong mẫu rất nghèo nàn vì tất cả đều làm việc 7 ngày trong một tuần, và 10 đến 12 giờ trong một ngày. Bản thân những em biết chữ cũng không thích đọc sách báo, hay xem truyện. Thói quen đi chùa của người Khmer cũng phải thay đổi vì phần lớn gia chủ không muốn cho người giúp việc của mình ra đường khi mà việc nghe và nói tiếng Kinh còn chưa sôi. Vì vậy, thú giải trí duy nhất của lao động giúp việc nhà trong mẫu là xem tivi.

Nếu so với những lao động nữ đến Thành phố Hồ Chí Minh đang làm việc trong các cơ sở sản xuất hay bán hàng rong thì có vẻ như lao động giúp việc nhà trong mẫu có công việc dễ chịu hơn, thu nhập ổn định, lại không mất tiền ăn, tiền ở. Nhưng đổi lại, họ không được nghỉ ngày chủ nhật, không làm việc theo một quy trình nhất định, không được hưởng tiền làm ngoài giờ, không được hưởng các chế độ xã hội dành cho người lao động, không có những giây phút thư giãn cuối tuần cùng bạn bè, không được nghỉ phép, không có ai bảo vệ quyền lợi... PV15 cho biết: “Khi mới lên thành phố làm việc (1998), em nặng 58kg, nay (2006) chỉ còn 48kg. Mấy tuần nay em bị sưng đầu gối, không biết là bị bệnh gì, nhà chủ có một tủ thuốc, nhưng họ chỉ cho em thuốc đau dạ dày...”.

Mặc dù vậy, hầu như các lao động trong mẫu vẫn bằng lòng với công việc họ đang làm. Có lẽ hơn ai hết, họ và gia đình của họ đều biết rằng, với một cô gái mù chữ, hoặc học chưa hết cấp I và tiếng Việt không rành, thì kiếm được một chỗ làm ổn định tại Thành phố Hồ Chí Minh với mức lương từ 500.000đ đến 900.000đ/tháng đã là một may mắn rồi. Chỉ có rất ít trong số họ khao khát thay đổi cuộc sống hiện tại. PV15 cho biết: “Em luôn mặc cảm với công việc này, em chỉ muốn có cơ hội tìm việc khác”.

d) Những rủi ro và thách thức

Như đã nói, quá trình đến với nghề giúp việc nhà của các lao động trong mẫu hoàn toàn tự phát nên cũng gặp rất nhiều rủi ro. Đó là:

- Những rủi ro liên quan đến mối quan hệ giữa gia chủ và người làm: những xung đột giữa chủ nhà và các nữ lao động giúp việc nhà trong mẫu bắt nguồn từ việc toàn bộ lao động trong mẫu không ký hợp đồng lao động với chủ nhà, thậm chí nhiều người còn không biết hợp đồng lao động là gì và vì sao phải ký hợp đồng. Chính điều này đã dẫn đến những rủi ro đáng tiếc cho cả hai phía. Trước tiên là vấn đề tiền công, vì không có hợp đồng, mà chỉ là sự thoả thuận miệng giữa chủ và người môi giới, nên tiền công hằng tháng của lao động giúp việc nhà hoàn toàn do gia chủ quyết định. Thông thường, chủ nhà cho thử việc 2 tháng, nếu người giúp việc trung thực, chăm chỉ, biết nghe lời... sẽ được làm lâu dài, nếu không được như vậy, chủ sẽ gọi điện cho “cò” trả lại. Vì là thử việc, nên tiền công thường thấp hơn từ 100.000 đến 200.000đ/tháng so với lương chính thức. Thật ra, số tiền chênh lệch này thường được trả cho “cò” khi gia chủ có nhu cầu về người giúp việc. Làm bao nhiêu lâu được tăng lương, hằng năm có được nghỉ về quê dịp tết Dolta, có được thưởng hay không... hoàn toàn do chủ quyết định. Cũng vì không có hợp đồng lao động nên có những trường hợp chủ nhà sa thải người làm rất tùy tiện. PV1 cho biết: “Em đang làm thì bà chủ cho nghỉ việc vì người giúp việc cũ là người Việt quay lại...”. Ngược lại, trong mẫu cũng có một số trường hợp giúp việc nhà tự ý bỏ việc vì thấy công việc quá vất vả, không thích hợp, ví dụ PV8; PV10; PV14... Trong mẫu còn có một số trường hợp cùng làm cho một gia chủ, nhưng mức lương giữa hai người giúp việc hoàn toàn khác nhau. PV6 đang làm cho một gia đình buôn bán, lương tháng được 500.000đ cho biết: “Em và cô ấy cùng làm ở đây lâu rồi, nhưng lương cô ấy lúc nào cũng cao hơn, vì cô ấy trẻ hơn, nói tiếng Việt rành hơn, hay được đi cùng bà chủ...”.

Cũng liên quan đến mối quan hệ giữa chủ nhà và người giúp việc là hiện tượng lạm dụng tình dục. PV24 giúp việc cho gia đình bà V. có hai con nhỏ ở quận Bình Thạnh từ năm 13 tuổi. Từ một cô bé đen nhẻm, gầy gò, sau 4 năm giúp việc cô đã trở mã thành một thiếu nữ mặn mòi. Tuy hằng ngày phải làm việc từ 6h sáng đến tối khuya nhưng cô vẫn thấy vui vẻ vì gia chủ coi cô như người trong nhà, đi chơi đâu cũng đưa cô đi cùng. Chuyện bất ổn xảy ra khi hai vợ chồng chủ nhà ly dị, vợ con ông chủ dọn đi chỗ khác, trong nhà chỉ còn ông chủ chưa đến 50 tuổi và người giúp việc. Cô tâm sự: “Con sợ lắm, chú ấy cứ uống bia rồi gọi con lên dọn dẹp, dọn xong cũng không cho con xuống... nhiều đêm con không ngủ được... con phải nói dối là ngoại bệnh nặng và xin phép về thăm nhà ít ngày. Ông chủ nghĩ con nói thật còn ứng tiền công cho con, mấy lần gọi điện về nhắn con lên, nhưng con không dám đến đó nữa mặc dù con rất muốn trả lại số tiền này”.

Ngoài những rủi ro nói trên, các lao động nữ trong mẫu còn phải đối mặt với những rủi ro xuất phát từ bản thân hoặc gia đình. Như phần đầu đã nói, phần lớn lao động trong mẫu còn độc thân và có độ tuổi từ 16 đến 25, là độ tuổi rất đẹp của một đời người. Theo một số nghiên cứu về dân tộc thiểu số, độ tuổi kết hôn của các cô gái người dân tộc thường diễn ra sớm hơn so với phụ nữ Kinh, nó diễn ra khi họ ở độ tuổi từ 13 đến 16. Như vậy, có phải các lao động trong mẫu đã lỡ nhịp đối với chuyện hôn nhân của mình?

PV1 sinh 1981, đang giúp việc cho một gia đình ở quận Bình Thạnh cho biết: “Ở quê em, tuổi này ai cũng có con, có chồng rồi, nhưng đi làm như tụi em thì phải chấp nhận thôi. Ở đây không quen ai, chả biết nói chuyện với ai, chủ nhà nói chuyện cũng không hiểu hết, nhiều lúc buồn lắm...”.

PV16 sinh 1980, mỗi năm về thăm nhà 2 lần cho biết: “Em thấy ở đây chỗ ăn, chỗ ở tốt hơn dưới quê, tối nào cũng được coi tivi, em thích làm ở thành phố hơn, về quê kiếm việc khó lắm, tiền lương cũng chả được bao nhiêu... mà tuổi em về quê cũng khó tìm được bạn trai vừa ý,... để khi đó em sẽ tính làm tiếp hay không...”.

Về phía gia đình, có nhiều gia đình trong mẫu muốn con gái tiếp tục làm ở thành phố bất chấp chuyện tuổi tác và vấn đề hôn nhân của con. Ông S. (cha của PV20) cho biết: “Năm nay, nó mới 19 tuổi nên mình chưa cho nó yêu, bây giờ nó phải phụ cha mẹ kiếm tiền nuôi em ăn học và giúp mình trả nợ đã...”. Tương tự, ông T.N, cha của PV28 sinh năm 1984 cho biết: “Vợ chồng mình chỉ thích cho con S. làm ở thành phố thôi, nó làm ở đây, lấy được chồng thành phố càng đỡ vất vả, lại có tiền gửi cho mình...”.

Như vậy, có thể nói, tuy là người có đóng góp chính về mặt kinh tế cho gia đình, là người trợ giúp đắc lực công việc nhà cho gia chủ, nhưng hầu hết các cô gái giúp việc trong mẫu đều bị thiệt thòi về quyền lợi và luôn phải đương đầu với những rủi ro đến cả từ phía khách quan lẫn chủ quan.

4. Kết luận

Những kết quả nghiên cứu của đề tài “Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới Thành phố Hồ Chí Minh” bước đầu đã có những câu trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu được đặt ra. Đó là:

- Lý do ra đi của hầu hết lao động nữ giúp việc nhà chủ yếu xuất phát từ yếu tố kinh tế gia đình thật sự khó khăn.
- Những đóng góp của các lao động trong mẫu hết sức quan trọng và mang lại hiệu quả cao đối với vấn đề xóa đói giảm nghèo cho gia đình và cộng đồng.

- Cho đến nay, các lao động giúp việc nhà trong mẫu vẫn không được thụ hưởng bất cứ quyền lợi nào từ các cơ quan chức năng, chưa hề được hưởng bất cứ một chế độ xã hội nào dành cho người lao động, cũng như chưa được luật pháp bảo vệ mỗi khi gặp bất trắc trong quan hệ với người thuê mướn họ, mặc dù công việc của họ mang lại lợi ích rất lớn cho cộng đồng, cho sự phát triển của xã hội.

Hiện nay, nhu cầu về lao động giúp việc nhà ở các thành phố rất lớn. Chỉ tính riêng tại Thành phố Hồ Chí Minh, một thành phố có hơn 8 triệu dân với khoảng một triệu hộ gia đình, nếu chỉ 10% số hộ này có nhu cầu giúp việc thì lực lượng lao động giúp việc nhà ở đây đã lên tới hàng trăm ngàn người. Và đương nhiên sẽ có con số gia đình gần như vậy ở những vùng quê nghèo khó được xóa đói giảm nghèo. Nếu lực lượng lao động này được đào tạo bài bản, hiệu quả kinh tế do họ mang lại sẽ lớn gấp nhiều lần so với hiện nay. Đó là một thành công xóa đói giảm nghèo mang ý nghĩa xã hội ngoài mong đợi. Nhưng cho đến nay, các cơ quan hữu quan vẫn chưa coi giúp việc nhà là một nghề trong xã hội. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Sở lao động vẫn chưa có các văn bản cụ thể hướng dẫn cho loại hình công việc này, ngoại trừ Điều 139 Bộ Luật lao động năm 1994. Thành phố Hồ Chí Minh đã có một số cơ sở đào tạo người giúp việc nhà, nhưng hầu hết là đào tạo người giúp việc hướng tới xuất khẩu với mức học phí không phải để dành cho những lao động đến từ vùng sâu, vùng xa. Chúng tôi cho rằng, trong chương trình đào tạo nghề của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trong nội dung giúp người dân xóa đói giảm nghèo, trong các điều khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội v.v... nên có nội dung dành cho đối tượng lao động này, trong đó cần lưu ý đặc biệt tới những lao động ra đi từ các vùng dân tộc thiểu số.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Tư liệu điều tra chọn mẫu của đề tài “Lao động nữ di cư giúp việc nhà từ đồng bằng sông Cửu Long tới Thành phố Hồ Chí Minh”.
- [2] Barbara S. Mensch, Đặng nguyên Anh, Wesley H. Clark, “Vị thành niên và biến đổi xã hội ở Việt Nam”, Báo cáo nghiên cứu do Hội đồng dân số Hoa Kỳ và Viện Xã hội học Hà Nội thực hiện, 2000.
- [3] Đặng Nguyên Anh, *Vai trò mạng lưới xã hội trong quá trình di cư trong sách: Chính sách di dân ở châu Á*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1998, tr.48-57.
- [4] Đỗ Thị Như Tâm, *May nhờ rủi chịu người giúp việc nhà tại Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Trẻ, 1999 (Cuốn sách được hỗ trợ bởi Tổ chức Care quốc tế tại Việt Nam).

- [5] Viện Kinh tế nông nghiệp, “Báo cáo phân tích đa diện các dự án di dân có tổ chức do Cục Định canh, định cư và phát triển vùng kinh tế mới tổ chức từ 1991 đến nay”, Hà Nội, 1997, Dự án VIE/95/004.
- [6] Viện Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, “Báo cáo kết quả điều tra di dân tự do vào Thành phố Hồ Chí Minh”, tháng 9/1997, Dự án VIE/95/004.
- [7] Doãn Mậu Diệp, Trịnh Khắc Thẩm, “Di dân nông thôn, đô thị ở Việt Nam: Bản chất, mối quan hệ và chính sách quản lý”, *Chính sách di dân ở châu Á*, NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 1998, tr.103 – 115.
- [8] Department for Economic and Social Information, *Internal Migration of Women in Developing Countries*. New York, 1993.
- [9] Ngân hàng Thế giới, *Việt Nam: Đánh giá sự nghèo đói và chiến lược phát triển*, 1995.
- [10] The World Bank, *Vietnam: Attacking Poverty*, Hanoi, 1999.
- [11] Feng Wang and Xuejin Zuo, “Tìm hiểu di dân nông thôn của Trung Quốc... Những cơ hội và rào cản về thể chế đối với người di dân tại đô thị”, *American Economic Review*, vol.89, N°. 2, 1999.
- [12] Hà Thị Phương Tiến, Hà Quang Ngọc, *Lao động nữ di cư tự do nông thôn - thành thị*, NXB Phụ nữ, Hà Nội, 2000.
- [13] Hoàng Diệp, “Kinh doanh Oshin”, *Báo Tuổi trẻ Chủ nhật*, số 12/2005, ra ngày 27/03/2005.
- [14] Hugo, Graeme, “Di dân nữ tại các nước đang phát triển”, trong *Di dân tại các nước đang phát triển*, (New York: United Nations, 1993), tr.46 - 47.
- [15] Huang ping, “Đô thị hoá và di dân ở Trung Quốc”, Báo cáo khoa học tại Hội thảo Giảm nghèo trong quá trình đô thị hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
- [16] Hội thảo quốc gia tăng cường năng lực xây dựng chính sách di dân nội địa ở Việt Nam, *Tác động của di dân tới các vùng nông thôn ở Việt Nam*, Báo cáo khảo sát, Hà Nội tháng 10/1997, Dự án VIE/95/004.
- [17] Hội thảo quốc gia tăng cường năng lực xây dựng chính sách di dân nội địa ở Việt Nam, *Phần I: Tổng quan về di dân*, Thành phố Hồ Chí Minh, số 2/1998, Dự án VIE/95/004, Hà Nội, 1998.
- [18] Lê Văn Năm, “Di dân nông thôn - đô thị và sự phát triển đô thị bền vững: nghiên cứu trường hợp Thành phố Hồ Chí Minh”, trong *Phát triển đô thị bền vững*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002.

- [19] Mary Beth Mills, *Contesting the margins of modernity: Women, migration, and consumption in Thailand*, 1996.
- [20] Mark Vanlandingham, “Di dân và vấn đề sức khoẻ”, Báo cáo khoa học tại Hội thảo: Giảm nghèo trong quá trình đô thị hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
- [21] Mony TEP and all, *Different mindsets, different risks Looking at risk factors identified Vietnamese sex workers in Cambodia*, Research for Sex work, N° 4, 2001.
- [22] Mony TEP and Salon EK, *Vietnamese Sex Workers in Cambodia*, Research for Sex work, N° 3, 2000.
- [23] Nguyễn Bay, “Nghề giúp việc - nhu cầu đột biến”, báo *Tuổi trẻ* 16/04/2003.
- [24] Nguyễn Kim Hà, “Một số vấn đề đặt ra trong nghiên cứu phụ nữ và di dân ở Việt Nam”, tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 2, 2001, tr.37 - 43.
- [25] Nguyễn Thanh Tâm, “Một số quan điểm lý thuyết về di dân và phụ nữ di cư”, tạp chí *Khoa học về phụ nữ*, số 6/2003.
- [26] Nguyễn Văn Chính, “Di dân nội địa ở Việt Nam - các chiến lược sinh tồn và những khuôn mẫu đang thay đổi”, trong *Phát triển đô thị bền vững*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2002, tr.115-151.
- [27] Nguyễn Quân, “Oshin”, báo *Lao động* ra ngày 11/08/2006.
- [28] Nguyễn Văn Tài và các cộng tác viên, *Di dân tự do nông thôn - thành thị ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Nông nghiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, 1998.
- [29] Philip Guest, *Vấn đề di dân và đô thị ở Đông Nam Á*, Báo cáo khoa học tại Hội thảo: Giảm nghèo trong quá trình đô thị hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh, 2004.
- [30] Richard E. Bilsborrow and United Nations Secretariat, *Internal Female migration and development: an Overview*, in *Internal Migration of Women in Developing Countries*, New York, 1993.
- [31] Singelmann, Joachim, “Mức độ và xu hướng di dân nữ trong phạm vi quốc gia tại các nước đang phát triển, 1960-1980” trong *Di dân nữ tại các nước đang phát triển*, New York: United Nations, 1993, tr. 77-93.
- [32] Tổ chức lao động quốc tế (ILO) - Chương trình quốc tế xoá bỏ lao động trẻ em (IPEC) Bangkok, *Thực trạng lao động trẻ em giúp việc nhà ở các nước Đông và Đông Nam Á*.
- [33] Trương Sĩ Ánh, *Di dân, nguồn nhân lực, việc làm và đô thị hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996, Dự án VIE/93/PO2.
- [34] Tạp chí *Lao động và xã hội*, *Điều tra dân nhập cư ở Thành phố Hồ Chí Minh: Những giải pháp từ sức ép đô thị*, số 26 (133), 1996.

- [35] Viện Nghiên cứu kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, *Di dân, nguồn nhân lực, việc làm và đô thị hoá ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học Xã hội, 2002.
- [36] Douglas Massey, “Các nguồn gốc xã hội và kinh tế của nhập cư”, trong *Tuyển tập các công trình chọn lọc trong dân số học xã hội*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 436 - 456.
- [37] Võ Nguyệt Thương, “Buồn vui nghề giúp việc gia đình”, báo *Pháp luật, chuyên đề*, 3/2004.
- [38] Liên đoàn Lao động Thành phố Hồ Chí Minh, *Tìm hiểu về Bộ luật Lao động và Luật Công đoàn Việt Nam*, 1994.